

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 74/QĐ-TC ngày 08 tháng 8 năm 2023  
của Hiệu trưởng Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Bình Thuận)

**Tên ngành, nghề:** Công tác xã hội

**Mã ngành, nghề:** 5760101

**Trình độ đào tạo:** Trung cấp

**Đối tượng tuyển sinh:** Tốt nghiệp THCS hoặc tương đương trở lên.

**Thời gian đào tạo:** 2 năm

**Bằng cấp sau khi tốt nghiệp:** Trung cấp

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.1. Mục tiêu chung:

- Có kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa Mác-Lênin; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam và của giai cấp công nhân Việt Nam; Kiến thức cơ bản về pháp luật, giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng - an ninh;

- Hiểu và vận dụng kiến thức lý thuyết và kỹ năng nghề nghiệp vào tiến trình trợ giúp từng đối tượng cụ thể của công tác xã hội (CTXH); Tìm hiểu, vận dụng chính sách về an sinh xã hội vào thực tiễn công việc.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể:

- Kiến thức:

+ Hiểu được kiến thức về công tác xã hội cá nhân và gia đình, Công tác xã hội nhóm, Phát triển cộng đồng, An sinh xã hội và những vấn đề xã hội, Chính sách xã hội, Tham vấn...;

+ Có kiến thức về ứng dụng công tác xã hội với các đối tượng cụ thể: CTXH với trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, người nghèo, trong hôn nhân và gia đình ...;

+ Hiểu biết về giá trị đạo đức nghề CTXH và thể hiện các hành vi đạo đức đó trong quá trình tác nghiệp.

- Kỹ năng:

+ Kỹ năng cứng:

♦ Có khả năng làm việc độc lập, vận dụng lý thuyết và các kỹ năng của các phương pháp công tác xã hội với cá nhân, nhóm và cộng đồng vào hoạt động thực tiễn;

♦ Thực hiện được các kỹ năng cơ bản trong thực hành nghề công tác xã hội như: kỹ năng tiếp cận và làm việc với thân chủ; kỹ năng tham vấn; kỹ năng tổ chức các hoạt động nhóm trong công tác xã hội; Kỹ năng lắng nghe tích cực, đặt câu hỏi, kỹ năng phỏng vấn; Thực hiện tốt kỹ năng thương thuyết...;

♦ Soạn thảo được các văn bản có liên quan; Ghi và lưu trữ hồ sơ đối tượng;

♦ Nhận diện được những vấn đề khó khăn trong cộng đồng và tham mưu với cấp trên tổ chức trợ giúp đối tượng;

♦ Xây dựng và quản lý được các dự án công tác xã hội với quy mô nhỏ; Xây dựng được các câu hỏi phỏng vấn, nội dung quan sát để thu thập số liệu các vấn đề liên quan đến công tác xã hội;

♦ Khai thác được các thông tin trên mạng Internet phục vụ cho công tác chuyên môn và nghiên cứu.

+ Kỹ năng mềm:

♦ Biết lắng nghe, tự tin, giao tiếp tốt.

♦ Có tinh thần làm việc theo nhóm và hỗ trợ nhau trong quá trình làm việc.

♦ Có trình độ tiếng Anh đạt bậc 1 (A1) khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trở lên.

- Yêu cầu về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có kỹ năng thông tin, liên lạc và báo cáo.

+ Tuân thủ các quy điều đạo đức nghề nghiệp, triết lý của công tác xã hội; thực hiện đầy đủ vai trò của một nhân viên công tác xã hội.

+ Có tinh thần dấn thân của một nhân viên Công tác xã hội vì sự phát triển của con người và công bằng xã hội trong quá trình hoạt động nghề nghiệp.

+ Thường xuyên tự cập nhật kiến thức chuyên môn; có tinh thần học hỏi kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng thực hành công tác xã hội thông qua đồng nghiệp và cấp trên.

+ Áp dụng linh hoạt các phương pháp công tác xã hội cho từng đối tượng cụ thể.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp: Có khả năng đảm nhận vị trí nhân viên công tác xã hội thuộc lĩnh vực an sinh xã hội.

## 2. Khối lượng kiến thức tối thiểu và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 26 môn học, mô đun

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 61 tín chỉ, 1.531 giờ

- Khối lượng các môn học chung: 316 giờ

- Khối lượng các môn học, mô đun cơ sở chuyên môn: 1.215 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 401 giờ

- Khối lượng thực hành: 1.099 giờ

- Khối lượng kiểm tra: 31 giờ

- Thời gian khóa học: 104 tuần

## 3. Nội dung chương trình:

TT	Mã MH/	Tên môn học /mô đun	Số tín	Thời gian học tập (giờ)		Học kỳ			
				Tổng	Trong đó	1	2	3	4

	MD		chỉ	số	Lý thuyết	Thực hành	Thi/Kiểm tra				
<b>I. Các môn học chung</b>			<b>15</b>	<b>316</b>	<b>116</b>	<b>185</b>	<b>15</b>	<b>151</b>	<b>165</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	MH01	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2		30		
2	MH02	Pháp luật	1	15	9	5	1	15			
3	MH03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2	30			
4	MH04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	2	45	21	21	3		45		
5	MH05	Tin học	2	45	15	29	1	45			
6	MH06	Tiếng Anh	4	90	30	56	4		90		
7	MH07	Giáo dục sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục và phòng chống HIV/AIDS	1	16	7	9		16			
8	MH 08	Kỹ năng mềm	2	45	15	28	2	45			
<b>II. Các môn học/mô đun cơ sở</b>			<b>08</b>	<b>180</b>	<b>60</b>	<b>116</b>	<b>4</b>	<b>180</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
9	MĐ09	Thông kê xã hội	2	45	15	29	1	45			
10	MĐ10	Soạn thảo văn bản và lưu trữ hồ sơ	2	45	15	29	1	45			
11	MĐ12	Tâm lý học đại cương	2	45	15	29	1	45			
12	MĐ12	Nhập môn công tác xã hội	2	45	15	29	1	45			
<b>III. Các môn học/mô đun chuyên môn</b>			<b>34</b>	<b>945</b>	<b>195</b>	<b>740</b>	<b>10</b>	<b>0</b>	<b>210</b>	<b>285</b>	<b>450</b>
13	MĐ13	Truyền thông và vận động xã hội	2	45	15	29	1		45		
14	MĐ14	Chính sách xã hội	2	45	15	29	1		45		
15	MĐ15	Công tác xã hội cá nhân	3	60	30	29	1		60		
16	MĐ16	Công tác xã hội với nhóm	3	60	30	29	1		60		
17	MĐ17	Phát triển cộng đồng	3	60	30	29	1			60	
18	MĐ18	Công tác xã hội với trẻ em	2	45	15	29	1			45	
19	MĐ19	Công tác xã hội với người cao tuổi	2	45	15	29	1			45	
20	MĐ20	Công tác xã hội với người có và bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS	2	45	15	29	1			45	
21	MĐ21	Công tác xã hội với người nghèo	2	45	15	29	1			45	
22	MĐ22	Điều tra xã hội học	2	45	15	29	1			45	
23	MĐ23	Thực tập nghề nghiệp tại cơ sở	8	360		360					360

TT	Mã MH/MD	Tên môn học /mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			Học kỳ				
				Tổng số	Trong đó		1	2	3	4	
					Lý thuyết	Thực hành					Thi/Kiểm tra
24	MD24	Lập tiến trình can thiệp trợ giúp cá nhân hoặc nhóm	3	90		90					90
<b>IV. Các môn học/mô đun tự chọn</b>			<b>4</b>	<b>90</b>	<b>30</b>	<b>58</b>	<b>2</b>	<b>45</b>	<b>0</b>	<b>45</b>	<b>0</b>
<b>IV.1. Các môn học cơ sở (học sinh chọn 1 trong 3 môn)</b>			<b>2</b>	<b>45</b>	<b>15</b>	<b>29</b>	<b>1</b>	<b>45</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
25	MD25	Lạm dụng ma túy chất gây nghiện	2	45	15	29	1	45			
	MD26	Bạo lực gia đình	2	45	15	29	1	45			
	MD27	Dân số, sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình	2	45	15	29	1	45			
<b>IV.2. Các môn học chuyên môn (học sinh chọn 1 trong 2 môn)</b>			<b>2</b>	<b>45</b>	<b>15</b>	<b>29</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>45</b>	<b>0</b>
26	MD28	Công tác xã hội với người khuyết tật	2	45	15	29	1			45	
	MD29	Công tác xã hội với nhóm tội phạm	2	45	15	29	1			45	
<b>Tổng cộng</b>			<b>61</b>	<b>1531</b>	<b>401</b>	<b>1099</b>	<b>31</b>	<b>376</b>	<b>375</b>	<b>330</b>	<b>450</b>

#### 4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

##### 4.1. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

- Đề học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, Phòng Đào tạo – Quản sinh có thể bố trí học sinh tham quan một số cơ sở công tác xã hội tại địa bàn tỉnh Bình Thuận hoặc các tỉnh lân cận đang hoạt động trong lĩnh vực phù hợp với nghề Công tác xã hội;

- Thời gian tham quan, kiến tập từ 1 đến 2 buổi cho từng môn học, mô đun chuyên nghề và được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa;

- Kết thúc đợt tham quan, kiến tập học sinh phải viết báo cáo kết quả (theo mẫu của Nhà trường ban hành);

- Các hoạt động ngoại khóa có thể bao gồm:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao.	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày.
2	Văn hoá, văn nghệ: - Qua các phương tiện thông tin đại chúng. - Sinh hoạt tập thể.	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần).
3	Hoạt động thư viện: Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu.	Tất cả các ngày làm việc trong tuần.
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể.	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào

		các tội thứ bảy, chủ nhật.
5	Đi thực tế	Theo thời gian bố trí của giáo viên và theo yêu cầu của môn học

#### **4.2. Hướng dẫn thi kết thúc môn học, mô-đun:**

Theo Quy định đào tạo hiện hành của Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Bình Thuận.

- Đánh giá kết quả học tập của người học trong toàn khóa học bao gồm: kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và điều kiện dự thi kết thúc môn học, mô đun phải tuân thủ theo Quy định đào tạo hiện hành của Trường.

- Thời gian tổ chức thi hết môn học, mô đun được thể hiện theo từng môn học, mô đun trong chương trình đào tạo.

- Sau khi học xong môn học, mô đun hoặc cuối mỗi học kỳ, Trường tổ chức kỳ thi chính (lần 1) và 02 kỳ thi phụ (lần 2, lần 3) để thi kết thúc môn học, mô đun theo quy định. Kỳ thi phụ được tổ chức cho người học không tham gia dự thi hoặc có điểm môn học, mô đun không đạt yêu cầu (điểm < 5,0) ở kỳ thi chính hoặc học sinh có điểm thi đạt yêu cầu ở lần thứ nhất (điểm  $\geq 5,0$ ) nhưng muốn có điểm cao hơn thì được đăng ký thi thêm 01 lần thi tiếp theo để cải thiện điểm. Sau 03 lần thi, nếu điểm môn học, mô đun không đạt yêu cầu, người học phải đăng ký học lại theo quy định. Ngoài ra, tùy vào điều kiện tổ chức đào tạo Trường có thể tổ chức thi hết môn học, mô đun vào thời điểm khác cho người học đủ điều kiện dự thi.

#### **4.3. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp**

- Đối với đào tạo theo niên chế:

+ Người học phải học hết chương trình đào tạo và có đủ điều kiện thì sẽ được dự thi tốt nghiệp.

+ Nội dung thi tốt nghiệp bao gồm: Lý thuyết chuyên môn; Thực hành.

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp và các quy định liên quan để xét công nhận tốt nghiệp, cấp bằng theo quy định của Trường.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Thị Thu Hà**